TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:225/2021/HNGĐ-ST
Ngày09-12- 2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Thùy

2. Bà Hà Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Thiên Bảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2021/TLST- HNGĐ ngày 23tháng 8 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L; Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 3, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn:Anh Nguyễn Xuân D; Sinh năm 1977(vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 3, thị trấn C N, huyện B T, tỉnh T H.

Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị L trình bày: Chị L và anh D tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Ngày 14 tháng 07 năm 2011 tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường T S, thành phố Thanh Hóa. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc một thời gian. Sau đóvợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm do anh D ham chơi. Anh D không đánh đập chửi bới vợ con nhưng ham chơi và nghiện

ma túy. Bản thân anh D hiện nay đang phải chấp hành án về ma túy tại trại giam T C - Cục C10 - Bộ Công an. Chị L xét thấy vợ chồng không có hạnh phúc nên thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 11/4/2012. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Xuân N có nguyện vọng ở với mẹ.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân D công nhận việc tự nguyện lấy nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2018. Nguyên nhân do anh D chơi bời nên nghiện ma túy. Anh D vẫn còn tình cảm với chị L và chị L vẫn thăm nuôi anh đều. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh D tự nguyện để chị L nuôi con vì anh D đang chấp hành án phạt tù. Về tài sản và nợ chung không có. Sau khi được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D xin vắng mặt tại phiên tòa.

Chị L nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 11/4/2012, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Loan ly hôn anh D. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 11/4/2012 cho đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết đề nghị HĐXX miễn xét.

Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 238 của BLTTDS.

[2]*Về nội dung*: Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Xuân D tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3]*Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng. Chị L xác định tình cảm không còn, anh D đang chấp hành án về tội ma túy. HĐXX căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị L ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

Về con chung. HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 11/4/2012 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Xuân D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4]*Về án phí:* Chị Trương Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị L. Xử cho chị Trương Thị L ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 11/4/20012 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Xuân D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã đóng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007638 ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T (chị L đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt chị Trương Thị L và anh Nguyễn Xuân D. Chị L và anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-THA dân sự huyện B T
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên